TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC THỌ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2022
V/v Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Chương và Bà Phạm Thị Hồng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Phúc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05/5/2022, 26/5/2022 và 31/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2021về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thùy M; sinh năm: 1993; địa chỉ: Thôn LS, xã AD, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Thanh T; sinh năm: 1990; địa chỉ: Thôn LS, xã AD, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, văn bản ghi lời khai và tại phiên tòa chị Phan Thị Thùy M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thùy M kết hôn với anh Lê Thanh T trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/10/2017 tại UBND xã ĐL (nay xã TD), huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn LS, xã AD, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do tính cách không hòa hợp, không cùng quan điểm sống, vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không

có kết quả mà những bất đồng ngày càng sâu sắc hơn dẫn đến sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng có hai con chung là Lê Phan An N, sinh ngày 22/09/2018 và Lê Hoàng P, sinh ngày: 15/4/2021(Đã mất ngày 11/10/2021). Nếu ly hôn chị Mỹ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Phan An N đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Lê Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Phan Thị Thùy M không yêu cầu giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Lê Thanh T:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện ĐT đã thực hiện các thủ tục tố tụng đối với anh Lê Thanh T nhưng anh T không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã yêu cầu chị M cung cấp địa chỉ mới của anh T; chị M cung cấp địa chỉ làm việc của anh T tại Thẩm mỹ viện M – số 88 HVB, phường X, quận PN, thành phố HCM và sinh sống tại: X/Y NVT, phường XY, quận PN, thành phố HCM. Ngày 20/12/2021 Tòa án huyện ĐT ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 01/2021/QĐ-UTTA cho Tòa án nhân dân QPN; ngày 01/03/2022 Tòa án nhân dân QPN trả lời kết quả ủy thác với nội dung: Ngày 18/02/2022 Tòa án nhân dân QPN tống đạt thông báo thụ lý vụ án và ngày 21/02/2022 anh Lê Thanh T ghi bản tự khai trình bày nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thanh T đồng ý ly hôn với chị Phan Thị Thùy M.

Về quan hệ con chung: Anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Phan An N, sinh ngày 22/9/2018 và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh Lê Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung gồm 01 chiếc xe mô tô Exciter, 01 chiếc tủ lạnh và khoản nợ vợ chồng vay chị Phan Thị Tuyết N 20.000.000 đồng.

Ngày 30/03/2022 Tòa án huyện ĐT tiếp tục ủy thác thu thập chứng cứ số 01/2022/QĐ-UTTA cho Tòa án nhân dân Quận PN với nội dung: Tống đạt cho anh Lê Thanh T thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 45/TB-TA ngày 21/3/2022 và xác minh địa chỉ sinh sống, làm việc hiện tại của anh T.

Ngày 15/4/2022 Tòa án nhân dân QPN trả lời kết quả ủy thác hiện tại anh T không còn sinh sống tại: X/Y NVT, phường XY, quận PN, thành phố HCM, anh T đã chuyển đi nơi khác nhưng không rõ ở đâu, trên cơ sở đó Tòa án nhân dân Quận PN đã niêm yết các văn bản tố tụng theo địa chỉ trên, đồng thời Tòa án nhân dân huyện ĐT đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T tại địa phương nhưng anh T

không có mặt ở nhà nên Tòa án đã giao cho ông Lê Bá L (bố đẻ anh T) và ông L đã cam kết giao lại các văn bản tố tụng cho anh T.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn cơ bản đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt không có lý do, thay đổi chỗ ở không thông báo cho Tòa án là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Phan Thị Thùy M được ly hôn anh Lê Thanh T.

Về con chung và cấp dưỡng: Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Lê Phan An N, sinh ngày 22/9/2018 cho chị Phan Thị Thùy M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Phan Thị Thùy M không yêu cầu anh Lê Thanh T cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Về tài sản và nợ chung: Anh Lê Thanh T trình bày vợ chồng có tài sản và nợ yêu cầu giải quyết nhưng không thực hiện thủ tục nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án không thụ lý giải quyết yêu cầu của anh T.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Phan Thị Thùy M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữa chị Phan Thị Thùy M và anh Lê Thanh T đều có hộ khẩu thường trú tại thôn LS, xã AD, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện ĐT đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho anh Lê Thanh T. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh Trường thay đổi địa chỉ làm việc và sinh sống nhưng không báo cho Tòa án và nguyên đơn biết địa chỉ mới gây khó khăn, kéo dài thời hạn giải quyết vụ án. Ngày 05/5/2021 Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, anh Lê Thanh T có mặt nhưng yêu cầu Tòa án tạm ngừng phiên

tòa để cung cấp chứng cứ nên Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa đến ngày 26/5/2022. Sáng ngày 25/5/2022 anh T đến Tòa án để tham gia phiên tòa vì cho rằng nghe Tòa án thông báo phiên tòa được mở lại vào ngày 25/5/2022, Tòa án đã giải thích cho anh T về thời gian mở lại phiên tòa là ngày 26/5/2022. Tuy nhiên, ngày 26/5/2022 anh T vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa đến ngày hôm nay xét xử lại vụ án nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Lê Thanh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thùy M và anh Lê Thanh T kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/10/2017 tại UBND xã ĐL (nay xã TD), huyện ĐT , tỉnh Hà Tĩnh. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của chị M anh T được chị M giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh T chị M là hợp pháp.

Tình trạng hôn nhân vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính cách và quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống của vợ chồng không hợp nhau và những bất đồng ngày càng sâu sắc hơn dẫn đến sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2021 đến nay, mỗi người tự lo cuộc sống riêng mà không có sự liên lạc, quan tâm nhau, quá trình giải quyết vụ án anh chị đồng thuận ly hôn nhau, chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Phan Thị Thùy M ly hôn anh Lê Thanh T theo Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có cơ sở.

[3] Về con chung và cấp dưỡng: Vợ chồng chị Phan Thị Thùy M và anh Lê Thanh T có 02 con chung tên là Lê Phan An N, sinh ngày 22/9/2018 và Lê Hoàng P, sinh ngày 15/4/2021(đã chết ngày 11/10/2021). Từ khi các con được sinh ra cho đến tháng 10 năm 2021 vợ chồng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng trong thời gian này người con thứ hai của anh chị không may qua đời, đây là sự mất mát to lớn của vợ chồng, nhất là với người phụ nữ phải mang nỗi đau vô hạn, sự xót xa, bất hạnh suốt cuộc đời. Trong lúc đang chịu nỗi đau mất con thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt dẫn đến chị M không thể tiếp tục chung sống cùng gia đình nhà chồng, buộc chị phải về nhà mẹ đẻ sinh sống và muốn đưa con đi cùng để chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng anh T giữ con lại ở cùng anh và bố mẹ. Tuy nhiên, sau thời điểm đó anh T cũng vào thành phố HCM làm việc, sinh sống; việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N do bố mẹ anh T thực hiện. Tại biên bản làm việc với bố đẻ anh T ngày 22/4/2022 thể hiện, mặc dù chị M không được trực tiếp nuôi cháu N nhưng chị M vẫn thăm nom và có trách nhiệm với cháu N nhưng ông bà không cho chị M thăm gặp con; cháu N hiện tại ở với ông bà nội, cháu đi nhà trẻ được vài hôm thì ở nhà đến nay, thu nhập hiện tại của ông bà không ổn định. Quá trình giải quyết vụ án chị M đã cố gắng tìm các giải pháp phù hợp và nguyện vọng

tha thiết được nuôi dưỡng con gái bởi trong hai người con chị mang nặng sinh thành thì một người đã chết còn lại người con duy nhất là cháu N. Đối với anh T trình bày mong muốn nuôi con nhưng quá trình giải quyết vụ án anh đã không thể hiện thiện chí, không phối hợp với Tòa án và chị M để tìm giải pháp giải quyết vấn đề nuôi con khi vợ chồng ly hôn. Điều đó thể hiện chị M là người mẹ hết lòng thương con, luôn muốn chăm sóc, nuôi dưỡng con chu đáo, việc chị phải rời khỏi nhà chồng một mình không đưa con đi cùng là điều ngoài ý muốn. Mặt khác, cháu Lê Phan An N là nữ giới, hiện nay còn nhỏ tuổi (3 tuổi 8 tháng) nên cuộc sống hàng ngày rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ và theo thời gian cháu lớn lên thì sự gần gủi, chia sẻ tâm tư, động viên, giúp đỡ của người mẹ là rất quan trọng trên con đường trưởng thành của cháu. Hơn nữa chị M làm việc, sinh sống tại địa phương có điều kiện quan tâm, chăm lo cho con thường xuyên, còn anh T do tính chất công việc phải sinh sống xa gia đình nên sẻ gặp khó khăn trong việc nuôi dưỡng con.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị M trực tiếp nuôi dưỡng con thì sẻ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu N. Vì vậy, giao con chung của vợ chồng cho chị M nuôi dưỡng là có cơ sơ và phù hợp Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Hiện tại chị M và anh T đều có việc làm và thu nhập khá ổn định. Anh T có điều kiện cấp dưỡng nuôi con nhưng chị M xác định bản thân đủ điều kiện để nuôi dưỡng, đảm bảo cuộc sống của con nên không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, do đó Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh T yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung gồm 01 chiếc xe mô tô xcenter, 01 chiếc tủ lạnh và khoản nợ 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 21/3/2022 Tòa án ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 45/TB-TA và ủy thác cho Tòa án nhân dân quận PN tống đạt cho anh T để nộp tạm ứng án phí nhưng anh T đã thay đổi nơi ở và nơi làm việc mà không báo cho Tòa án và nguyên đơn biết địa chỉ mới nên không tống đạt được văn bản cho anh T, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo theo quy định nhưng anh T không làm thủ tục nộp tạm ứng án phí, do đó Tòa án không có cơ sở thụ lý giải quyết yêu cầu, anh T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị M, anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều

6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận cho chị Phan Thị Thùy M ly hôn anh Lê Thanh T.

2. Giao con chung Lê Phan An N, sinh ngày 22/9/2018 cho chị Phan Thị Thùy M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Lê Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

3. Chị Phan Thị Thùy M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị M đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số 0013008 ngày 01/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Chị Phan Thị Thùy M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 31/5/2022. Anh Lê Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đức Thọ;
- Các đương sự;
- THADS huyện Đức Thọ;
- UBND xã Tân Dân;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Trọng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**